TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN ỨH –TP HN

Bản án số: 04 /2025/HNGĐ - ST
Ngày: 13/01/2025
"V/v:Không công nhận vợ chồng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨH – TP. HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến H.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hạ T** và ông **Đặng Viết C.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim L,** Thư ký Tòa án nhân dân Hện ƯH, thành phố HN.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn H** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện ỨH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc: *xin ly hôn,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 26/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị C,** sinh năm: 1972
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T,** sinh năm: 1969

Đều HKTT: Thôn Nam Dương, xã Hòa Nam, Hện ƯH, TP. HN.
(Tại phiên toà: Chị C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T là người cùng địa phương, kết hôn từ năm 1991, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến khi mâu thuẫn. Quá trình chung sống: sau khi tổ chức đám cưới anh chị chung sống hoà thuận được khoảng hơn 10 năm thì vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, không có cùng quan điểm sống, anh T ra hiện sống với người phụ nữ khác. Nhiều năm nay

vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Trong thời gian sống ly thân, chị cũng nhiều lần nói cHện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 hiện con đã trưởng thành, khoẻ mạnh và có gia đình nên chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị có quan điểm không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị C đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T:

Sau khi thụ lý vụ án toà án đã nhiều lần T tập anh Nguyễn Văn T đến để giải quyết, nhưng anh T không đến và không có quan điểm trình bày.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã Hòa Nam xác định: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị C không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh, chị có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến năm 2024. Trong thời gian sống chung, anh chị có 01 người con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm1992. Trong thời gian chung sống tại địa phương, nhiều năm gần đây anh T và chị C sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay chị C đề nghị Tòa giải quyết cho được ly hôn

Tại phiên toà, anh T vắng mặt, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử, đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, tuyên bố chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn T không phải là vợ chồng.

Về con chung: anh T, chị C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thắng, sinh năm 1991 đã trưởng thành, khoẻ mạnh nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu án theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và đã được toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 26/12/2024 Toà án mở phiên toà nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt do đó Hội đồng xét xử xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà ngày hôm nay phía nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, phía bị đơn vắng mặt lần thứ hai, xét việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn T, cả anh, chị đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Nam Dương, xã Hòa Nam, Hện ƯH, TP. HN. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện ỨH theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ sự trình bày của chị Lê Thị C cho thấy chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mặc dù đủ điều kiện để đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không được hoà thuận, hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân nhiều năm nay nên chị C có đơn yêu cầu được ly hôn anh T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn T chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Quá trình chung sống, cả anh và chị đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên toà ngày hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt chứng tỏ việc xin đoàn tụ của anh, chị là không có cơ sở để xem xét, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 1992. Hiện tại, đã trưởng thành, khoẻ mạnh nên không đề nghị Toà án giải quyết.

[5] Về tài sản, công sức và công nợ: Chị C không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này anh T có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: chị C phải nộp toàn bộ án phí heo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; 271; 273 của bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C: Không công nhận chị Lê Thị C với anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 .Hiện tại, đã trưởng thành, khoẻ mạnh không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các bên đương sự có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị C đã nộp tại Biên lai thu số 0012011 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Hện Ứng Hòa, thành phố HN.

[5].Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP HN;
- VKSND Hện ƯH;
- Chi cục THADS ƯH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến H